

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HẠNH*

1. Vai trò pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước

Giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước không có mục đích tự thân, không phải là việc bên ngoài áp đặt vào quyền lực nhà nước, mà là chức năng và nhu cầu phát sinh khách quan, bắt yếu từ bản thân quyền lực nhà nước. Chính bản chất, mục đích và đặc điểm của cơ quan nhà nước là cái quy định về số lượng, tính chất, nội dung, hình thức các loại giám sát đối với cơ quan nhà nước trên thế giới. Trong thể chế chính trị mà “Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”, bản chất và mục đích của quyền lực nhà nước được xác định là “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” thì giám sát của nhân dân có vai trò rất quan trọng, điều đó thể hiện qua các nội dung sau đây.

Thứ nhất, pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước là cơ sở pháp lý góp phần đảm bảo cho hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước hiệu lực, hiệu quả. Giám sát của nhân dân góp phần bảo đảm duy trì sự thống nhất, kiên định về bản chất cũng như mục tiêu, định hướng của quyền lực nhà nước. Thực tế cho thấy, tuy quyền lực nhà nước là của nhân dân trao cho bộ máy nhà nước để thực hiện chức năng quản lý xã hội nhưng quyền lực đó có xu hướng bị lạm dụng, tha

hoá, dễ xa rời bản chất nhân dân nếu không được chấn chỉnh kịp thời. Giám sát là phương tiện để làm giảm nguy cơ chệch hướng về bản chất giai cấp nhà nước, trong đó giám sát của nhân dân là giám sát của chủ thể quyền lực đối với bên được uỷ quyền thực thi quyền lực, đó cũng là phương tiện quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân.

Thứ hai, pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa nhà nước và công dân. Trong Nhà nước pháp quyền XHCN, nhà nước luôn phải tiếp cận và giải quyết các vấn đề của dân, với nguyên tắc: công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; cán bộ, công chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép; pháp luật về giám sát của nhân dân là bảo đảm pháp lý giúp cho quan hệ giữa chủ thể và đối tượng giám sát đều phải tuân thủ, thực hiện theo pháp luật. Giám sát của nhân dân tuy không mang tính quyền lực pháp lý, nhưng có tác dụng phòng ngừa, góp phần ngăn chặn có hiệu quả hành vi vi phạm pháp luật và kỷ luật nhà nước từ phía cơ quan hành chính. Trong quá trình giám sát, các nhận xét, kiến nghị xác đáng của nhân dân (các chủ thể) đối với các cơ quan nhà nước tiếp thu sẽ là cơ sở quan trọng để hoàn thiện pháp luật về giám sát của nhân dân.

Thứ ba, pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước

* Chấp hành viên, Chi Cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình – Hà Nội.

góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chất lượng đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước; pháp luật là một trong 4 yếu tố cấu thành nền hành chính, nội dung cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010. Giám sát cơ quan hành chính nhà nước về thực chất là giám sát hoạt động của cán bộ, công chức nhà nước. Cán bộ, công chức có vai trò quan trọng và quyết định trong bộ máy nhà nước và chất lượng cán bộ công chức quyết định chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Pháp luật về giám sát của nhân dân có vai trò bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước; phát hiện, kiến nghị những hành vi, vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý những vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân là để đảm bảo thực thi các giá trị phổ quát và nhân văn của dân tộc và thời đại như: công bằng, bình đẳng, dân chủ, nhân quyền, pháp quyền... Mặt khác, phát hiện những hạn chế, bất cập trong quản lý hành chính nhà nước là để có giải pháp tích cực hoàn thiện, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, cửa quyền và các biểu hiện tiêu cực khác trong bộ máy hành chính nhà nước.

Thứ tư, pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Trong tình hình hiện nay, giám sát của nhân dân có vai trò rất quan trọng trong đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước, nhất là trong cơ quan hành chính nhà nước. Thực tiễn cho thấy, ở nơi nào năng lực giám sát và làm chủ của người

dân còn yếu, thì ở đó hiện tượng tiêu cực càng có điều kiện phát sinh, phát triển. Vì vậy, bên cạnh những biện pháp tự phòng chống của nhà nước thì rất cần tăng cường giám sát của nhân dân, dựa vào nhân dân để góp phần làm trong sạch bộ máy nhà nước. Mặt khác, hoạt động giám sát cũng góp phần nâng cao vai trò trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội, ngăn ngừa, phòng chống các biểu hiện lạm dụng quyền lực nhà nước của các cơ quan hành chính dẫn tới xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Thông qua giám sát của nhân dân, trật tự, kỷ cương của cơ quan nhà nước được thiết lập và tuân thủ chặt chẽ theo pháp luật, đồng thời vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội... trong đời sống xã hội và hoạt động quản lý hành chính nhà nước càng nâng cao.

Thứ năm, pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hành chính nói riêng. Pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận của hệ thống pháp luật Việt Nam; các quy phạm của nó có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận khác của hệ thống pháp luật. Để có một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, đòi hỏi phải hoàn thiện pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước. Nói cách khác, việc hoàn thiện đó cũng chính là góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung.

2. Thực trạng pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước hiện nay

2.1. Ưu điểm

Thứ nhất, về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội đối với cơ quan hành chính nhà nước.

Giám sát của MTTQ và các tổ chức thành viên là phương thức cơ bản của giám sát nhân dân. Mặt trận đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát; vận động nhân dân giám sát hoặc độc lập giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân với cơ chế là: theo dõi, phát hiện, nhận xét, phản biện và kiến nghị.

Giám sát của MTTQ và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuy cũng có tính chính trị pháp lý như giám sát mang tính nhà nước nhưng khác ở các mặt: chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, cơ chế và hiệu quả pháp lý của giám sát. Nó có ưu điểm là mang tính chủ động, rộng rãi, phổ biến, thường xuyên; nhưng nó cũng có hạn chế là mang tính phát hiện, tư vấn, phản biện, không sử dụng biện pháp nhà nước để xử lý kết quả giám sát, vì thế thường ít mang lại hiệu quả ngay.

Giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước như Giám sát quá trình lập quy và nội dung văn bản lập quy; giám sát tính hợp hiến, hợp pháp các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước; giám sát việc quản lý thực hiện chính sách pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước; giám sát việc

giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát đối với đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước.

Thứ hai, về giám sát của các tổ chức xã hội đối với cơ quan hành chính nhà nước.

+ Giám sát của các hội trong lĩnh vực xây dựng, pháp luật, chính sách thuộc lĩnh vực liên quan. Các hội có tính chất chuyên ngành, quy tụ các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm chuyên môn. Vì thế cho nên chất lượng giám sát, tư vấn, phản biện của các hội rất rõ. Điều đó được thể hiện qua các kiến nghị, góp ý đối với các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện như: Dự thảo Luật Đất đai, Luật Tài nguyên- Môi trường, Luật BHXH...

+ Giám sát của các hội đối với việc thực hiện chính sách pháp luật có liên quan. Đó là các lĩnh vực có hoạt động thường xuyên của các hội như: xoá đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường; nghiên cứu khoa học và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ; cứu trợ nhân đạo; xã hội hoá về văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, v.v..

Thứ ba, về giám sát của các tập thể lao động đối với cơ quan hành chính nhà nước.

Các tập thể lao động ở Việt Nam hiện nay có số lượng rất lớn, với quy mô, hình thức đa dạng, phong phú, diễn biến hàng ngày, chưa thể thống kê hết. Đó là các tổ, nhóm công nhân lao động tại các công ty, nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... Các tập thể lao động đó trên danh nghĩa của mình thực hiện quyền giám sát đối với cơ quan quản lý nhà nước.

Nội dung thực hiện giám sát của chủ thể này chủ yếu là: những thủ tục, quy trình,

thái độ của cán bộ công chức nhà nước trong thực thi chính sách pháp luật và giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực hay công việc mà tập thể lao động đó phải cần đến cơ quan nhà nước. Đó có thể là những ý kiến, kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước về cơ chế sản xuất, kinh doanh, chế độ tiền lương, chế độ lao động và bảo hiểm các loại hoặc về những bất cập của các chính sách, pháp luật có liên quan khi thực hiện trong thực tế.

Thứ tư, về giám sát của cơ quan báo chí, dư luận xã hội đối với cơ quan hành chính nhà nước.

Nhiều vụ án được phát hiện, triệt phá khởi đầu do báo chí phát hiện. Nhiều vụ việc tiêu cực tham nhũng gây hậu quả nghiêm trọng ở các cơ quan hành chính nhà nước không thể bị “chìm xuống” bởi có sự tham gia tích cực của công dân và báo chí. Ví dụ như vụ: lãnh đạo thị xã Đồ Sơn (Hải Phòng) chia chác đất công. Hoặc như vụ triệt phá tập đoàn tội ác Năm Cam, tức Trương Văn Cam và đồng bọn; ở vụ này, các cơ quan báo chí đã có vai trò quan trọng, nhất là trong việc phát hiện, điều tra các cán bộ trong cơ quan công quyền, tạo ra dư luận lên án một số quan chức đã che chở cho Năm Cam. Đối với vụ án ở PMU18, báo chí là lực lượng đầu tiên phát hiện và đặt nghi vấn về “con bạc triệu đô”, khởi nguồn cho sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan chức năng điều tra làm rõ để xử lý theo pháp luật.

Thứ năm, về giám sát trực tiếp của công dân.

Công dân, những người có năng lực hành vi và năng lực pháp luật, có quyền giám sát hoạt động của tất cả cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước, bất kể cơ quan đó

ở Trung ương hay địa phương, cán bộ, công chức đó có chức vụ cao hay thấp. Tuy nhiên trên thực tế, công dân thường giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, những người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện và bảo vệ các quyền chủ thể của họ do pháp luật quy định. Công dân giám sát thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân và thông qua các hình thức quy định trong quy chế thực hiện dân chủ ở các loại hình cơ sở.

2.2. Những tồn tại, hạn chế

Pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước thời gian qua còn có những bất cập, hạn chế đó là:

+ Nhiều nội dung của quy chế bị lạc hậu, thiếu cơ chế ràng buộc cụ thể về trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân; một số nội dung thiếu tính khả thi.

+ Phương thức giám sát đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, đảng viên chưa cụ thể, khó thực hiện, ít hiệu quả trong thực tế.

+ Chưa có cơ chế hiệu quả để bảo vệ người trung thực, thẳng thắn cũng như chế tài xử lý người lợi dụng chức vụ, quyền hạn trù úm người góp ý, phê bình hoặc bao che cho các sai phạm.

+ Việc thực hiện chế độ tiếp dân ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước chưa trở thành nền nếp; việc tiếp xúc lắng nghe ý kiến từ dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân nhiều nơi còn làm chưa tốt. Pháp luật quy định về việc xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chưa đủ mạnh, chưa rõ ràng, chưa cụ thể.

Từ những tồn tại và hạn chế nêu trên có thể rút ra một số nhận xét cơ bản sau:

Thứ nhất, các quy phạm pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước được quy định trong các bản Hiến pháp, sắc lệnh, luật, nghị quyết, nghị định, thông tư, quy chế... do nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nên thiếu tập trung, thống nhất, đặc biệt là thiếu cụ thể, chưa thuận lợi trong thực hiện. Phần nhiều các quy phạm quy định còn chung chung, ít khả thi, ràng buộc pháp lý thấp và không chặt chẽ.

Thứ hai, pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước qua các giai đoạn lịch sử xã hội, nên có nhiều sửa đổi, bổ sung và ban hành mới để phù hợp với điều kiện thực tế. Tuy nhiên, ngoài yếu tố khách quan, thì pháp luật về giám sát của nhân dân còn tản mạn, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc đã lỗi thời và thiếu ổn định. Nhiều vấn đề về nội dung, hình thức, trình tự thủ tục và hậu quả pháp lý giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước chưa được quy định hoặc quy định chưa cụ thể, chặt chẽ, chưa có cơ chế pháp lý để thực hiện hiệu quả trên thực tế.

Thứ ba, pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước có chủ thể bao hàm là nhân dân, nhân dân thực hiện quyền của mình qua nhiều chủ thể cá biệt khác tạo nên tổng thể cơ chế giám sát của nhân dân. Tuy nhiên, pháp luật chưa đặt ra cơ chế phối hợp giữa các chủ thể có quyền giám sát đối với cơ quan hành chính nhà nước cũng như cơ chế phối hợp giữa giám sát của nhân dân với giám sát của cơ quan mang tính quyền lực nhà nước. Do đó, các chủ thể trong tiến hành

giám sát còn rời rạc, thiếu đồng bộ; hiệu quả giám sát của nhân dân cũng như của cả hệ thống cơ chế giám sát chưa cao.

3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế tổng thể về giám sát đối với quyền lực nhà nước, trong đó tăng cường vai trò giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước. Cơ chế giám sát đối với quyền lực nhà nước là hệ thống bao gồm tổng thể các yếu tố, hình thức, mối quan hệ, các thiết chế và phương thức, điều kiện mà thông qua đó các chủ thể thực hiện quyền giám sát đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước nằm trong hệ thống pháp luật giám sát đối với quyền lực nhà nước và là một bộ phận trong hệ thống cơ chế giám sát của Việt Nam. Hoàn thiện pháp luật về giám sát của nhân dân phải đặt trong cơ chế chung đó. Mặt khác, phải tính đến cơ chế giám sát bên trong và cơ chế giám sát bên ngoài đối với quyền lực nhà nước. Cơ chế giám sát bên trong gồm toàn bộ sự giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Cơ chế giám sát bên ngoài gồm giám sát của Đảng và giám sát của nhân dân. Phải coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của cơ quan công quyền. Việc hoàn thiện thể chế về tổng thể cơ chế giám sát đối với hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân. Như vậy, xây dựng và hoàn thiện tổng thể cơ chế

giám sát nói chung phải bao gồm toàn bộ các bộ phận, nếu thiếu một trong ba bộ phận cấu thành đó thì không thể có một cơ chế giám sát quyền lực nhà nước hữu hiệu trên thực tế.

Vị trí, vai trò giám sát của nhân dân rất quan trọng, vì vậy trong thời gian tới, cùng với hoàn thiện các cơ chế giám sát khác thì cần phải thúc đẩy và tăng cường giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước. Dưới góc độ cơ chế giám sát cần chú ý đến các nhân tố sau: *động lực của cơ chế; mục tiêu của cơ chế; nội dung của cơ chế và các điều kiện về chính trị, xã hội, pháp lý, kinh tế...* Cần từng bước nghiên cứu, ban hành Luật về giám sát của nhân dân trên cơ sở kế thừa và hợp nhất các luật, pháp lệnh, nghị định hiện hành như: Luật Mặt trận Tổ quốc, Luật Thanh Tra, Luật Khiếu nại, tố cáo, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ... Mặt khác, cần quy định cụ thể về giới hạn quyền lực (thẩm quyền và trách nhiệm) của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là cơ quan hành chính nhà nước; sự phối hợp giữa các loại hình giám sát, cơ quan, tổ chức giám sát; tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân thực hành quyền giám sát...

Thứ hai, hoàn thiện những quy định pháp luật về giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đối với cơ quan hành chính nhà nước.

Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đã khá nhiều và đa dạng. Tuy nhiên, các quy định đó phần lớn mới chỉ dừng lại ở việc giám sát đối với hoạt động cơ quan nhà nước cấp cơ sở. Vì vậy, cần tập trung rà soát các quy định pháp luật về giám sát của Mặt trận, các

đoàn thể nhân dân trong các văn bản quy phạm pháp luật, nhằm loại bỏ các quy phạm chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn hoặc chung chung, không cụ thể và thiếu khả thi. Đặc biệt, cần rà soát các luật về tổ chức và hoạt động của Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội như: Luật Mặt trận Tổ quốc, Luật Công đoàn, Luật Bình đẳng giới, Luật Thanh niên...; cần chi tiết hoá phạm vi, chức năng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hậu quả pháp lý mà giám sát Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện đối với hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước trong các luật như: Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Khiếu nại, tố cáo...

Cần sửa đổi, bổ sung quy định cơ chế phối hợp chung giữa Mặt trận với các chủ thể giám sát khác về thông tin, nghiệp vụ; cần tăng cường phối hợp trong hoạt động giám sát giữa MTTQ, các tổ chức thành viên với những cơ quan có chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra của Đảng và Nhà nước. Cần sửa đổi, bổ sung các văn bản luật, pháp lệnh trực tiếp liên quan đến hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị-xã hội ban hành đã lâu và có những bất cập, hạn chế hoặc lạc hậu, như: Luật Công đoàn, Pháp lệnh Cựu chiến binh. Trong xây dựng nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Thanh niên, Luật Bình đẳng giới..., cần chú ý đến phạm vi, thẩm quyền của các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động giám sát đối với cơ quan nhà nước; trách nhiệm cụ thể của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội.

Bên cạnh đó, cần quy định rằng Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc liên hiệp và

phối hợp thống nhất hành động. Mỗi quan hệ giữa Ủy ban MTTQ với các tổ chức thành viên trong quan hệ giám sát hiện nay chỉ do Điều lệ Mặt trận quy định chứ chưa được quy định bởi pháp luật. Điều này khiến việc phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị-xã hội là thành viên của Mặt trận còn mờ nhạt, thậm chí lẫn vào trong giám sát của cơ quan Mặt trận (không phải là sức mạnh của hệ thống), do đó, các tổ chức thành viên ít thể hiện được vai trò giám sát. Để hoàn thiện pháp luật giám sát của nhân dân thì không thể không tính đến vai trò giám sát của Mặt trận, của các đoàn thể nhân dân trong một hệ thống, đồng thời cần phát huy giám sát độc lập của Mặt trận cũng như của các tổ chức thành viên.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về giám sát của các tổ chức xã hội, tập thể lao động

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các văn bản luật nhằm củng cố cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội, trong đó, tập trung hoàn thiện và sớm ban hành *Luật về hội*. Các quy định về hội nên có nội dung khuyến khích và phát huy sự tham gia, giám sát nhà nước của các hội thay vì chỉ nặng về quản lý nhà nước đối với hội như hiện nay.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về giám sát của cơ quan báo chí truyền thông đối với cơ quan hành chính nhà nước.

Hoàn thiện pháp luật về báo chí, xuất bản theo hướng bảo đảm quyền tự do báo chí, xuất bản gắn liền với trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, xuất bản. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với báo chí và xuất bản. Tập trung rà soát, bổ

sung, sửa đổi các quy định về hoạt động trong lĩnh vực thông tin, báo chí như Luật Báo chí hiện hành, các quy định về quản lý Internet... Có chế định cụ thể, rõ ràng về quyền được thông tin của nhân dân và bảo đảm tính công khai minh bạch của cơ quan nhà nước. Xác định rõ loại thông tin nào phải công bố công khai, theo kênh nào, ai có trách nhiệm cung cấp thông tin và trả lời báo chí; cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước vi phạm quy định về cung cấp thông tin cho dân thì bị chế tài xử lý như thế nào, người đưa tin sai sự thật gây hại cho người khác thì bị xử lý ra sao...

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật về quyền giám sát trực tiếp của công dân đối với cơ quan hành chính nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo; bảo đảm mọi quyết định và hành vi hành chính trái pháp luật đều được phát hiện và có thể bị khởi kiện trước Tòa án; đổi mới thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo và thủ tục giải quyết các vụ án hành chính theo hướng công khai, đơn giản thuận lợi cho dân; đồng thời bảo đảm tính thông suốt, hiệu quả của quản lý hành chính.

Trung cầu ý dân là hình thức cao nhất của dân chủ trực tiếp, là hình thức để nhân dân trực tiếp bày tỏ ý kiến của mình đối với những vấn đề quan trọng của đất nước, qua đó để nhà nước có sự lựa chọn, quyết định đúng đắn hợp với lòng dân. Vì thế, cần xây dựng và ban hành Luật trung cầu ý dân.

Kết luận

Giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước là một loại giám sát

có tính đặc thù trong tổng thể cơ chế giám sát đối với quyền lực nhà nước. Bởi vì, các chủ thể giám sát là các tổ chức, cá nhân hoặc thiết chế xã hội khác bên ngoài nhà nước, tuy không mang tính “cưỡng chế”, “bắt buộc”, không mang tính quyền lực nhà nước, nhưng có quyền giám sát hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước. Điều đó, bắt nguồn từ bản chất nhà nước, đặc điểm, cấu trúc của hệ thống chính trị với đặc trưng cơ bản: Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Giám sát của nhân dân thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, là một trong những biện pháp, có tính pháp lý hữu hiệu để kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, 2004. *Từ điển Hán - Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Bộ Nội vụ - Vụ Tổ chức phi Chính phủ, 2006. *Báo cáo công tác Hội năm 2005- Các Hội hoạt động trên phạm vi toàn quốc*, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp - Viện Khoa học Pháp lý, 2006. *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
4. Chu Dương, 2005. *Thế chế nhà nước của các quốc gia trên thế giới*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
5. Nguyễn Đăng Dung, 2005, *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Đăng Dung, 2006. *Nhà nước và trách nhiệm của Nhà nước*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
7. Hà Thị Mai Hiền, 2003. *Cơ chế kiểm tra, giám sát trong Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Vũ Văn Hiền, 2004. *Phát huy dân chủ ở xã, phường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Lê Văn Quang, Văn Đức Thanh, 2006. *Nhà nước pháp quyền XHCN và các định chế xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Tác, 2005. *Xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.